

BỘ CÔNG AN
Số: 06/1998/TT-BCA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 3 tháng 12 năm 1998

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện một số Quy định của Quy chế quản chế hành chính ban hành

kèm theo nghị định số 31/CP ngày 14-4-1997 của Chính Phủ.

Ngày 14-4-1997 Chính phủ đã ban hành Quy chế Quản chế hành chính kèm theo Nghị định 31/CP. Để thực hiện thống nhất, Bộ Công an hướng dẫn một số điểm như sau:

1. Về đối tượng quản chế hành chính

Theo quy định tại Điều 2 của Quy chế Quản chế hành chính thì đối tượng quản chế hành chính phải là người có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có hành vi xâm phạm an ninh quốc gia được quy định tại Chương I Phần các tội phạm của Bộ luật hình sự nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

Việc xác định những người có hành vi xâm phạm an ninh quốc gia nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự để áp dụng biện pháp quản chế phải được xem xét một cách khách quan, toàn diện; đánh giá đúng tính chất, mức độ vi phạm của hành vi đó là vi phạm hành chính. Việc xem xét, đánh giá còn phải dựa vào tính chất và hậu quả do hành vi vi phạm đó gây ra, động cơ mục đích khi thực hiện hành vi, nhân thân của người vi phạm cũng như tình hình chính trị, kinh tế, xã hội và yêu cầu chính trị của địa phương khi xảy ra hành vi xâm phạm an ninh quốc gia. Trường hợp khó xác định là phạm tội hay vi phạm hành chính thì cần trao đổi, thống nhất giữa Cơ quan Công an, Viện Kiểm sát, Tòa án.

b) Phải là người từ đủ 18 tuổi trở lên.

Việc xác định độ tuổi phải dựa vào giấy khai sinh nếu không có giấy khai sinh thì phải căn cứ vào hộ khẩu, Giấy chứng minh nhân dân hoặc lý lịch và các tài liệu khác có chứng nhận của chính quyền cấp xã. Chỉ quản chế hành chính đối với đối tượng từ đủ 18 tuổi trở lên. Thời điểm để tính độ tuổi là thời điểm ra quyết định quản chế hành chính.

2. Về thời hạn quản chế hành chính.

Theo Điều 1 của Quy chế thì thời hạn quản chế từ 6 tháng đến 2 năm; thời hạn quản chế phải được ghi trong quyết định quản chế hành chính.

Tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm và nhân thân của người cần áp dụng biện pháp quản chế hành chính mà Chủ tịch UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định thời hạn quản chế hành chính thích hợp đối với từng đối tượng cụ thể. Thời hạn quản chế được tính từ ngày người bị quản chế đến trình diện hoặc có mặt tại trụ sở UBND cấp xã nơi người đó thi hành quyết định quản chế hành chính.

3. Nơi thi hành quyết định quản chế hành chính

Theo quy định tại Điều 4 của Quy chế, quyết định quản chế hành chính được thi hành tại nơi cư trú của người bị quản chế hành chính.

Trường hợp nơi cư trú của người bị quản chế là những địa bàn quan trọng, xung yếu về chính trị, kinh tế, an ninh, quốc phòng hoặc những nơi mà người bị quản chế dễ có điều kiện tiếp tục có hành vi xâm phạm an ninh quốc gia thì nơi thi hành quyết định của người bị quản chế có thể được thực hiện ở xã, phường, thị trấn khác trong cùng một huyện, quận, thành phố thuộc tỉnh hoặc ở huyện, quận khác nhưng vẫn trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đó. Để thực hiện đúng chỉ đạo của Chủ tịch UBND cấp tỉnh theo quy định tại Điều 11 của Quy chế, đồng thời tạo điều kiện cho người bị quản chế thi hành quyết định quản chế thuận lợi, Thường trực Hội đồng tư vấn có trách nhiệm trao đổi, thống nhất với UBND cấp huyện, cấp xã đã đề nghị đưa người vào quản chế hành chính và UBND cấp huyện, cấp xã, nơi người bị quản chế sẽ đến thi hành quyết định trước khi đề xuất báo cáo UBND cấp tỉnh ra quyết định. Cơ quan Công an có trách nhiệm giúp UBND cùng cấp trong việc thực

hiện quyết định quản chế hành chính của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Hết thời hạn quản chế, người bị quản chế được trở về nơi cư trú cũ của mình.

4. Lập hồ sơ đề nghị quản chế hành chính

Hồ sơ đề nghị quản chế hành chính do Chủ tịch UBND cấp huyện, nơi có người cần áp dụng biện pháp quản chế hành chính lập. Công an cấp huyện, giúp Chủ tịch UBND cùng cấp lập hồ sơ, chỉ đạo Công an cấp xã và phối hợp với UBND cấp xã nơi có người cần áp dụng biện pháp quản chế hành chính cư trú trong việc thu thập tài liệu cần thiết. Nội dung hồ sơ đề nghị quản chế hành chính phải bao gồm các tài liệu đã được quy định tại Điều 6 của Quy chế quản chế hành chính. Cần chú ý các tài liệu phản ánh về vi phạm pháp luật của người đó, nhất là những tài liệu phản ánh đúng thực tế và có giá trị chứng minh, làm cơ sở kết luận về hành vi xâm phạm an ninh quốc gia của người cần áp dụng biện pháp quản chế hành chính.

5. Xét duyệt và quyết định quản chế hành chính.

Khi xét duyệt và quyết định quản chế hành chính phải thực hiện đúng quy định của các từ Điều 8 đến Điều 12 của Quy chế và cần chú ý thêm một số điểm sau đây:

a) Hội đồng tư vấn do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định thành lập, các thành viên của Hội đồng Tư vấn làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

b) Hội đồng Tư vấn làm việc theo chế độ tập thể. Thường trực Hội đồng chủ trì cuộc họp của Hội đồng. Hội đồng phải xem xét cụ thể từng trường hợp quản chế hành chính, các thành viên Hội đồng phải phát biểu quan điểm của mình về từng trường hợp đề nghị quản chế hành chính, sau đó biểu quyết. Trong trường hợp cần xác minh, làm rõ thêm về hồ sơ của người cần quản chế hành chính trước khi kết luận thì Hội đồng bàn bạc cách giải quyết và cuộc họp có thể được hoãn. Sau khi làm rõ các tài liệu trong hồ sơ, thường trực Hội đồng Tư vấn phải tổ chức lại cuộc họp, nhưng không được quá 30 ngày kể từ lần họp trước. Các cuộc họp của Hội đồng Tư vấn phải được lập biên bản.

c) Thường trực Hội đồng Tư vấn do đại diện lãnh đạo Cơ quan Công an cấp tỉnh đảm nhiệm (Giám đốc hoặc Phó giám đốc phụ trách an ninh). Thường trực Hội đồng Tư vấn có trách nhiệm chuẩn bị các tài liệu cho cuộc họp Hội đồng và gửi tới các